

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-40
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 02 tháng 08 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch	
Ông Lâm Thiệu Quân	Thành viên	
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	
Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên	
Ông Mai Hoài An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Ông Trần Bằng Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/08/2023
Ông Lâm Thiệu Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/08/2023

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng ban	
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên	
Bà Trần Thị Thu Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/06/2023
Bà Mai Ngọc Phượng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 01/08/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/09/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Vĩnh Thuận

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

006-C
ANH
TNHH
TOÁN
C
CHÍNH



Số: 211123.001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được lập ngày 21 tháng 11 năm 2023, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Trần Trung Hiếu

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/09/2023	01/04/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		151.002.918.216	149.951.812.739
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	8.124.317.286	26.219.617.994
111	1. Tiền		8.124.317.286	8.219.617.994
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	18.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		125.911.715.675	95.505.040.427
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	125.276.134.712	116.704.786.160
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	26.632.484.466	2.252.122.909
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	7.198.687.508	9.743.722.369
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.195.591.011)	(33.195.591.011)
140	IV. Hàng tồn kho	09	16.545.742.467	27.501.635.519
141	1. Hàng tồn kho		19.094.603.668	30.099.739.918
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.548.861.201)	(2.598.104.399)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		421.142.788	725.518.799
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	245.828.346	74.203.313
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		175.314.442	650.838.812
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	-	476.674
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		206.750.917.871	227.413.550.597
220	II. Tài sản cố định		45.541.230.836	46.930.706.960
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	30.692.603.616	31.496.258.514
222	- Nguyên giá		71.527.394.630	71.390.942.630
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.834.791.014)	(39.894.684.116)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	14.848.627.220	15.434.448.446
228	- Nguyên giá		25.717.714.435	25.717.714.435
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.869.087.215)	(10.283.265.989)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	430.660.800	430.660.800
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		430.660.800	430.660.800
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	160.045.051.888	178.329.051.888
251	1. Đầu tư vào công ty con		188.100.951.888	208.100.951.888
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		6.000.000.000	5.310.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.367.100.000	7.367.100.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(41.423.000.000)	(42.449.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		733.974.347	1.723.130.949
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	733.974.347	1.723.130.949
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		357.753.836.087	377.365.363.336

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/09/2023	01/04/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		91.246.690.669	108.418.809.979
310	I. Nợ ngắn hạn		63.713.716.025	75.459.515.117
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	8.660.831.520	16.742.239.671
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	32.857.764.471	6.454.612.931
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	71.143.639	50.148.226
314	4. Phải trả người lao động		1.093.605.398	200.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	636.900.716	3.133.230.209
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.281.654.704	22.123.978.223
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	16.800.468.885	25.053.544.967
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	1.223.899.221	1.108.162.227
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.087.447.471	793.398.663
330	II. Nợ dài hạn		27.532.974.644	32.959.294.862
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	924.717.950	924.717.950
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	25.000.000.000	30.000.000.000
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	1.487.456.497	1.870.225.143
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		120.800.197	164.351.769
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		266.507.145.418	268.946.553.357
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	266.507.145.418	268.946.553.357
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		245.335.910.000	245.335.910.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		245.335.910.000	245.335.910.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(721.880.000)	(721.880.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.604.360.982	3.604.360.982
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.288.754.436	20.728.162.375
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.378.105.567	4.816.313.752
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(2.089.351.131)	15.911.848.623
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		357.753.836.087	377.365.363.336

Phạm Thị Bích Thảo
Người lập

Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022
			đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	53.593.812.317	43.844.627.220
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	-	154.600.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.593.812.317	43.690.027.220
11	4. Giá vốn hàng bán	25	40.750.363.764	30.856.542.113
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.843.448.553	12.833.485.107
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	4.249.333.327	15.277.531.317
22	7. Chi phí tài chính	27	3.337.019.865	1.672.615.761
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.047.713.133	1.629.795.808
25	8. Chi phí bán hàng	28	11.231.835.250	11.122.608.387
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	4.486.559.418	7.198.489.708
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.962.632.653)	8.117.302.568
31	11. Thu nhập khác	30	214.318.575	300.634.338
32	12. Chi phí khác	31	341.037.053	26.819.350
40	13. Lợi nhuận khác		(126.718.478)	273.814.988
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(2.089.351.131)	8.391.117.556
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(2.089.351.131)	8.391.117.556

Phạm Thị Bích Thảo
Người lập

Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023


(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022
			đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(2.089.351.131)	8.391.117.556
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.525.928.124	1.487.959.228
03	- Các khoản dự phòng		967.725.150	(558.711.475)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.451.884)	29.365.640
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.511.871.027)	(15.255.038.606)
06	- Chi phí lãi vay		2.047.713.133	1.629.795.808
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(43.551.572)	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(1.105.859.207)	(4.275.511.849)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(31.579.157.119)	12.095.503.993
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		11.005.136.250	(16.799.824.665)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(3.874.418.150)	(452.154.330)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		817.531.569	(299.553.704)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.075.150.135)	(728.323.858)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(394.642.098)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.008.000)	(377.187.599)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(26.867.924.792)	(11.231.694.110)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(136.452.000)	(323.553.600)
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(3.000.000.000)	(75.639.616.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.160.353.942	10.754.993.192
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		22.023.901.942	(65.208.176.408)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		26.296.434.738	65.164.155.461
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(39.549.510.820)	(3.997.681.940)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.253.076.082)	61.166.473.521
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(18.097.098.932)	(15.273.396.997)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022
			đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		26.219.617.994	27.764.239.420
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.798.224	2.830.720
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	<u>8.124.317.286</u>	<u>12.493.673.143</u>


Phạm Thị Bích Thảo
Người lập


Trương Thị Phương Dung
Kế toán trưởng


Nguyễn Vĩnh Thuận
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2023

1105-006
NHÂN
TY TNHH
KIỂM TOÁN
AASC
TP. HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301596604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20 tháng 01 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 02 tháng 08 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 245.335.910.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 245.335.910.000 VND; tương đương 24.533.591 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 là: 77 người (tại ngày 01 tháng 04 năm 2023 là: 93 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ và lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động viễn thông có dây;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lắp trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số lượng dự án hạ tầng giao thông và viễn thông tin học mà Công ty thực hiện trong kỳ này tăng so với cùng kỳ năm trước, do đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 9,749 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 22,24%).

Tuy nhiên, Công ty nhận được cổ tức, lợi nhuận từ các đơn vị thành viên trong Tập đoàn trong kỳ này thấp hơn so với cùng kỳ năm trước, điều này làm cho doanh thu hoạt động tài chính giảm 11,028 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 72,19%) và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 10,480 tỷ VND (tương ứng tỷ lệ 124,90%) so với cùng kỳ năm trước.

Cũng trong kỳ này, Công ty đã tiến hành giải thể Công ty con - Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong (xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 4).

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau: Địa chỉ Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong TP. Hà Nội Văn phòng đại diện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dự án chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	26 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	31	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 05 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí thi công công trình... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa không quá 5% trên doanh thu. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những kỳ trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN kỳ hiện hành
Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
Tiền mặt	91.423.354	334.809.204
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.730.441.521	7.884.808.790
Tiền đang chuyển	302.452.411	-
Các khoản tương đương tiền	-	18.000.000.000
	<u>8.124.317.286</u>	<u>26.219.617.994</u>

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	188.100.951.888	(33.913.000.000)	208.100.951.888	(34.154.000.000)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	29.174.984.223	-	29.174.984.223	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	12.916.954.100	-	12.916.954.100	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	9.817.036.601	-	9.817.036.601	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	37.204.976.964	(31.374.000.000)	37.204.976.964	(31.615.000.000)
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	89.987.000.000	-	89.987.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong ⁽¹⁾	-	-	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	9.000.000.000	(2.539.000.000)	9.000.000.000	(2.539.000.000)
Đầu tư vào Công ty liên kết	6.000.000.000	(1.640.000.000)	5.310.000.000	(3.017.000.000)
- Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong ⁽²⁾	-	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)
- Công ty Cổ phần Intelnet ⁽³⁾	6.000.000.000	(1.640.000.000)	3.000.000.000	(707.000.000)
Đầu tư vào đơn vị khác	7.367.100.000	(5.870.000.000)	7.367.100.000	(5.278.000.000)
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	7.367.100.000	(5.870.000.000)	7.367.100.000	(5.278.000.000)
	201.468.051.888	(41.423.000.000)	220.778.051.888	(42.449.000.000)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

- (1) Giải thể theo Quyết định của Chủ sở hữu số 01/2023/QĐ-CSH vì lý do kinh doanh không hiệu quả.
- (2) Doanh nghiệp đã giải thể căn cứ vào Thông báo số 726537/23 ngày 26/09/2023 của Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại.
- (3) Công ty đã góp thêm 3.000.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Intelnet theo Thông báo số 01/2023/TB-INT ngày 22/03/2023 về việc góp vốn đợt 2 của các cổ đông Công ty. Việc góp thêm vốn điều lệ này đã được Hội đồng quản trị Công ty chấp thuận tại Nghị quyết số 009/2021/NQ-HĐQT-CBTT ngày 17/05/2022.



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong kỳ:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<i>Công ty con</i>				
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	TP. Hồ Chí Minh	50,42%	50,42%	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông; Cho thuê trạm
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	TP. Hồ Chí Minh	88,98%	88,98%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	TP. Hồ Chí Minh	98,80%	88,98%	Mua bán camera giám sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; Mua bán thiết bị điện, điện tử.
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	TP. Hồ Chí Minh	78,21%	78,21%	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng.
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Sản xuất phần mềm tin học.
<i>Công ty liên kết</i>				
- Công ty Cổ phần Intelnet	TP. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Lập trình máy vi tính.
<i>Đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	TP. Hà Nội	2,00%	2,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ: Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.



5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	952.599.240	-	1.004.823.165	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	583.623.509	-	394.176.608	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	302.749.305	-	88.351.143	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	66.226.426	-	353.444.400	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	-	163.181.014	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	-	-	5.670.000	-
<i>Bên khác</i>				
- Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - Công ty Cổ phần	124.323.535.472	(29.582.190.730)	115.699.962.995	(29.582.190.730)
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	7.071.764.761	-	10.604.694.370	-
- Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	68.599.423.798	(18.867.892.922)	68.599.423.798	(18.867.892.922)
- Đối tượng khác	9.007.332.740	-	9.007.332.740	-
	39.645.014.173	(10.714.297.808)	27.488.512.087	(10.714.297.808)
	125.276.134.712	(29.582.190.730)	116.704.786.160	(29.582.190.730)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>				
- Trường Cao đẳng Đường sắt	742.153.927	-	742.153.927	-
- Công ty Cổ phần VTM Việt Nam	261.000.000	-	261.000.000	-
- Công ty TNHH GSI	-	-	617.551.424	-
- Hansway Co., Ltd	19.244.069.208	-	-	-
- Đối tượng khác	6.385.261.331	-	631.417.558	-
	26.632.484.466	-	2.252.122.909	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023**7 . PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC**

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Chi tiết				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	113.400.281	(113.400.281)	1.679.033.881	(113.400.281)
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	82.849.315	-
- Tạm ứng	153.024.550	-	111.156.000	-
- Ký cược, ký quỹ	2.905.864.489	-	1.617.535.660	-
- Cho mượn	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
- Phải thu quỹ phúc lợi	-	-	737.737.193	-
- Phải thu phí chia sẻ tiện ích	377.863.114	-	66.555.073	-
- Phải thu người lao động	125.535.074	-	1.948.855.247	-
- Phải thu khác	23.000.000	-	-	-
	7.198.687.508	(3.613.400.281)	9.743.722.369	(3.613.400.281)
b) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	-	48.848.367	-
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	53.492.489	-	497.982.073	-
- Công ty TNHH Global Sitem	-	-	240.581.826	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	-	16.880.000	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	-	-	1.565.633.600	-
- Công ty Cổ phần Intelnet	324.370.625	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
- Ông Lâm Thiều Quân	-	-	251.627.544	-
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	-	-	138.804.312	-
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	-	-	68.079.055	-
	3.877.863.114	(3.500.000.000)	6.328.436.777	(3.500.000.000)

8 . NỢ XẤU

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần 715	2.196.346.285	-	2.196.346.285	-
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương	3.896.814.588	-	3.896.814.588	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	25.056.341.349	6.188.448.427	25.056.341.349	6.188.448.427
- Các khoản khác	4.734.537.216	-	4.734.537.216	-
	<u>39.384.039.438</u>	<u>6.188.448.427</u>	<u>39.384.039.438</u>	<u>6.188.448.427</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở	14.642.213.256	-	20.713.421.067	-
Hàng hoá	4.452.390.412	(2.548.861.201)	9.386.318.851	(2.598.104.399)
	<u>19.094.603.668</u>	<u>(2.548.861.201)</u>	<u>30.099.739.918</u>	<u>(2.598.104.399)</u>

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
Phần mềm Fast Business Online	430.660.800	430.660.800
	<u>430.660.800</u>	<u>430.660.800</u>

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

II . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	50.300.949.660	17.382.379.853	1.919.578.182	1.788.034.935	71.390.942.630
- Mua trong kỳ	-	-	-	136.452.000	136.452.000
Số dư cuối kỳ	<u>50.300.949.660</u>	<u>17.382.379.853</u>	<u>1.919.578.182</u>	<u>1.924.486.935</u>	<u>71.527.394.630</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	19.075.288.478	17.382.379.853	1.919.578.182	1.517.437.603	39.894.684.116
- Khấu hao trong kỳ	851.608.950	-	-	88.497.948	940.106.898
Số dư cuối kỳ	<u>19.926.897.428</u>	<u>17.382.379.853</u>	<u>1.919.578.182</u>	<u>1.605.935.551</u>	<u>40.834.791.014</u>
Giá trị còn lại	31.225.661.182	-	-	270.597.332	31.496.258.514
Tại ngày đầu kỳ	<u>30.374.052.232</u>	-	-	<u>318.551.384</u>	<u>30.692.603.616</u>
Tại ngày cuối kỳ					

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 30.374.052.232 VND;

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.786.474.750 VND.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	24.053.529.245	1.664.185.190	25.717.714.435
Số dư cuối kỳ	<u>24.053.529.245</u>	<u>1.664.185.190</u>	<u>25.717.714.435</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	9.565.969.275	717.296.714	10.283.265.989
- Khấu hao trong kỳ	383.832.918	201.988.308	585.821.226
Số dư cuối kỳ	<u>9.949.802.193</u>	<u>919.285.022</u>	<u>10.869.087.215</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	14.487.559.970	946.888.476	15.434.448.446
Tại ngày cuối kỳ	<u>14.103.727.052</u>	<u>744.900.168</u>	<u>14.848.627.220</u>

(*) Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45 Lô A1, Đường 20, Khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với diện tích 3.145 m², thời hạn thuê từ ngày 24/09/2012 đến ngày 23/09/2041 được sử dụng làm văn phòng Công ty.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 14.103.727.052 VND;
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 197.902.126 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/09/2023 VND	01/04/2023 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	14.789.168	19.960.675
Chi phí mua bảo hiểm	20.223.178	10.867.642
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	210.816.000	43.374.996
	<u>245.828.346</u>	<u>74.203.313</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	242.095.344	326.161.778
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	-	545.979.098
Chi phí sửa chữa	474.588.685	817.229.438
Chi phí trả trước dài hạn khác	17.290.318	33.760.635
	<u>733.974.347</u>	<u>1.723.130.949</u>

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	3.499.751.538	3.499.751.538	7.044.657.774	7.044.657.774
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	3.299.400.000	3.299.400.000	6.069.110.000	6.069.110.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	97.200.000	97.200.000	856.000.000	856.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	9.769.969	9.769.969	26.166.205	26.166.205
	93.381.569	93.381.569	93.381.569	93.381.569
<i>Bên khác</i>				
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Giao thông Đông Hải	5.161.079.982	5.161.079.982	9.697.581.897	9.697.581.897
- Trading and Solution Consulting Inc	531.520.000	531.520.000	797.280.000	797.280.000
- Công ty TNHH GSI	-	-	585.415.850	585.415.850
- Đối tượng khác	926.327.136	926.327.136	-	-
	3.703.232.846	3.703.232.846	8.314.886.047	8.314.886.047
	8.660.831.520	8.660.831.520	16.742.239.671	16.742.239.671

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	30/09/2023		01/04/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Bên khác</i>				
- Cty Ivu Traffic Technologies Ag-TC T/H Gói thầu EPC cho DA "HDH TT Điều Hành VT Đường sắt - OCC" tại VN	770.975.731	592.905.731		
- Đối tượng khác	32.086.788.740	5.861.707.200		
	32.857.764.471	6.454.612.931		

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	476.674	-	539.432.809	-	538.956.135	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	28.519.149	-	28.519.149	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	50.148.226	502.765.430	-	481.770.017	-	-	-	71.143.639	-
	476.674	50.148.226	1.070.717.388	1.049.245.301					71.143.639	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/09/2023		01/04/2023	
	VND		VND	
- Chi phí lãi vay	39.738.180	-	-	-
- Chi phí thi công công trình	502.826.822	175.048.391	50.000.000	2.908.181.818
- Trích trước phí tư vấn phát hành ESOP và cổ tức bằng cổ phiếu	94.335.714	2.908.181.818		
- Chi phí phải trả khác	636.900.716	3.133.230.209		



18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	8.825.601	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	318.163.440	318.163.440
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	38.132.300	38.132.300
- Phải trả lãi vay	715.068.493	782.243.675
- Phải trả tiền mượn Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	-	20.750.000.000
- Phải trả phí chia sẻ tiện ích	36.399.918	17.837.606
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	165.064.952	217.601.202
	<u>1.281.654.704</u>	<u>22.123.978.223</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	924.717.950	924.717.950
	<u>924.717.950</u>	<u>924.717.950</u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	-	20.750.000.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	717.576.343	763.307.767
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	33.892.068	12.064.086
	<u>751.468.411</u>	<u>21.525.371.853</u>



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/04/2023		Trong kỳ		30/09/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	25.053.544.967	25.053.544.967	17.996.434.738	34.549.510.820	8.500.468.885	8.500.468.885
- Vay cá nhân ⁽²⁾	-	-	8.300.000.000	-	8.300.000.000	8.300.000.000
	25.053.544.967	25.053.544.967	26.296.434.738	34.549.510.820	16.800.468.885	16.800.468.885
b) Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu ⁽³⁾	30.000.000.000	30.000.000.000	-	5.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
	30.000.000.000	30.000.000.000	-	5.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	30.000.000.000	30.000.000.000			25.000.000.000	25.000.000.000



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1303846/HĐTD ngày 29/09/2023, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định của Công ty.
- (2) Vay của các cá nhân theo các hợp đồng vay tiền có thời hạn 01 năm, không có đảm bảo, lãi suất 6%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn:

- (3) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu theo các hợp đồng vay tiền có thời hạn vay 02 năm, không có đảm bảo, lãi suất 10%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh và đầu tư.

Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

c) Các khoản vay đối với các bên liên quan

	30/09/2023		01/04/2023	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu ⁽¹⁾	25.000.000.000	715.068.493	30.000.000.000	757.534.247
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận ⁽²⁾	3.000.000.000	14.794.521	-	-
- Bà Trương Thị Phương Dung ⁽³⁾	3.300.000.000	12.361.644	-	-
	<u>31.300.000.000</u>	<u>742.224.658</u>	<u>30.000.000.000</u>	<u>757.534.247</u>

Ghi chú:

- (1) Công ty con
(2) Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
(3) Kế toán trưởng

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.223.899.221	1.108.162.227
	<u>1.223.899.221</u>	<u>1.108.162.227</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	1.487.456.497	1.870.225.143
	<u>1.487.456.497</u>	<u>1.870.225.143</u>



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí N

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	213.436.540.000	(721.880.000)	3.604.360.982	25.218.233.347	241.537.254.329
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	8.391.117.556	8.391.117.556
Số dư cuối kỳ trước	<u>213.436.540.000</u>	<u>(721.880.000)</u>	<u>3.604.360.982</u>	<u>33.609.350.903</u>	<u>249.928.371.885</u>
Số dư đầu kỳ này	245.335.910.000	(721.880.000)	3.604.360.982	20.728.162.375	268.946.553.357
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(2.089.351.131)	(2.089.351.131)
Giảm khác	-	-	-	(350.056.808)	(350.056.808)
Số dư cuối kỳ này	<u>245.335.910.000</u>	<u>(721.880.000)</u>	<u>3.604.360.982</u>	<u>18.288.754.436</u>	<u>266.507.145.418</u>

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	245.335.910.000	213.436.540.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>245.335.910.000</u>	<u>213.436.540.000</u>
c) Cổ phiếu		
	30/09/2023	01/04/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.533.591	24.533.591
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.533.591	24.533.591
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.533.591	24.533.591
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	72.188	72.188
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	72.188	72.188
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.461.403	24.461.403
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.461.403	24.461.403
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		
d) Các quỹ công ty		
	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.604.360.982	3.604.360.982
	<u>3.604.360.982</u>	<u>3.604.360.982</u>
22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
a) Ngoại tệ các loại		
	30/09/2023	01/04/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.099,91	3.469,71
- Đồng Euro (EUR)	212,98	223,54
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
	30/09/2023	01/04/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Sóng truyền thông	85.500.000	85.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Hoàng Phúc	45.000.000	45.000.000
- Công ty Cổ phần Thanh toán Trực tuyến Mùa Xuân	7.658.500	7.658.500
- Khu Quản lý Đường bộ II	73.227.380	73.227.380
- Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Đường bộ 494	40.000.000	40.000.000
	<u>251.385.880</u>	<u>251.385.880</u>

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022
	đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	42.026.999.898	34.748.968.093
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	11.566.812.419	9.095.659.127
	53.593.812.317	43.844.627.220
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	3.078.130.419	2.210.199.720
24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022
	đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	-	154.600.000
	-	154.600.000
25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022
	đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	31.560.611.974	27.102.411.167
Giá vốn của dịch vụ và kỹ thuật đã cung cấp	9.238.994.988	3.754.130.946
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (49.243.198)	-	-
	40.750.363.764	30.856.542.113
Trong đó: Tổng giá trị mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	210.507.866	1.240.535.501
26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022
	đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	49.126.027	44.563.606
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.486.042	18.846.975
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	720.619.080	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.462.745.000	15.210.475.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8.905.294	3.645.736
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.451.884	-
	4.249.333.327	15.277.531.317
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	3.462.745.000	15.210.475.000



27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.047.713.133	1.629.795.808
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.306.732	13.454.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	29.365.640
Dự phòng tổn thất đầu tư	1.284.000.000	-
	3.337.019.865	1.672.615.761
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	1.490.169.863	1.303.835.617

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	156.989.055	194.245.676
Chi phí nhân công	10.121.975.365	10.268.237.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.399.996	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.777.160	290.383.352
Chi phí khác bằng tiền	234.693.674	364.741.476
	11.231.835.250	11.122.608.387
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	189.009.252	2.485.000

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	101.056.534	193.685.221
Chi phí nhân công	3.154.165.917	4.995.926.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.818.378	50.848.160
Thuế, phí, lệ phí	594.300	295.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.121.595.779	1.635.195.898
Chi phí khác bằng tiền	93.328.510	322.538.912
	4.486.559.418	7.198.489.708
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp (phân bổ chi phí chung cho các bên liên quan) (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39)	(806.173.872)	(350.159.350)



C.P. *

30 . THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	213.595.846	204.744.831
Thu nhập khác	722.729	95.889.507
	214.318.575	300.634.338

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Chi phí thanh lý thẻ golf	128.910.314	-
Các khoản bị phạt	-	26.817.713
Chi phí khác	212.126.739	1.637
	341.037.053	26.819.350

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.089.351.131)	8.391.117.556
Các khoản điều chỉnh tăng	-	26.817.713
- Chi phí không hợp lệ	-	26.817.713
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.462.745.000)	(15.210.475.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.462.745.000)	(15.210.475.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(5.552.096.131)	(6.792.539.731)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	394.642.098
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(394.642.098)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	258.045.589	387.930.897
Chi phí nhân công	13.693.346.436	15.264.164.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.482.376.552	1.400.280.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.523.746.191	9.513.313.128
Chi phí khác bằng tiền	2.280.230.063	685.271.277
	25.237.744.831	27.250.960.114

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.032.893.932	-	-	8.032.893.932
Phải thu khách hàng, phải thu khác	99.279.231.209	-	-	99.279.231.209
	<u>107.312.125.141</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>107.312.125.141</u>
Tại ngày 01/04/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.884.808.790	-	-	25.884.808.790
Phải thu khách hàng, phải thu khác	93.252.917.518	-	-	93.252.917.518
	<u>119.137.726.308</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>119.137.726.308</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/09/2023				
Vay và nợ	16.800.468.885	25.000.000.000	-	41.800.468.885
Phải trả người bán, phải trả khác	9.942.486.224	924.717.950	-	10.867.204.174
Chi phí phải trả	636.900.716	-	-	636.900.716
	27.379.855.825	25.924.717.950	-	53.304.573.775
Tại ngày 01/04/2023				
Vay và nợ	25.053.544.967	30.000.000.000	-	55.053.544.967
Phải trả người bán, phải trả khác	38.866.217.894	924.717.950	-	39.790.935.844
Chi phí phải trả	3.133.230.209	-	-	3.133.230.209
	67.052.993.070	30.924.717.950	-	97.977.711.020

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	26.296.434.738	65.164.155.461
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	39.549.510.820	3.997.681.940

36 . THÔNG TIN KHÁC

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 29/06/2023, Công ty thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng với các thông tin chi tiết sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong;
- Mã cổ phiếu: ITD;
- Loại cổ phiếu chào bán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong có tên trong danh sách người sở hữu cổ phiếu của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu;
- Phương thức chào bán: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua;
- Giá chào bán và nguyên tắc xác định giá chào bán: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 6.115.350 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành theo mệnh giá: 61.153.500.000 VND;
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:25. Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 100 quyền mua sẽ được mua 25 cổ phiếu phát hành thêm;

- Các hạn chế liên quan đến việc hạn chế chuyển nhượng:
 - + Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng;
 - + Trường hợp Công ty thực hiện phân phối cổ phiếu chưa chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua cho các nhà đầu tư có nhu cầu thì số cổ phiếu chào bán nêu trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành: Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được cân đối sử dụng cho việc bổ sung vốn lưu động phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thời gian thực hiện: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở phù hợp với chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Lầu 4, Tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
toán từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/09/2023

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Doanh thu viễn thông tin học VND	Doanh thu hạ tầng giao thông VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	22.406.741.300	22.873.462.018	8.313.608.999	53.593.812.317
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.641.319.931	5.778.022.061	4.424.106.561	12.843.448.553
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	136.452.000
Tài sản không phân bổ	-	-	-	357.753.836.087
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	91.246.690.669

Theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	(1)
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	Công ty con
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	(2)
Công ty Cổ phần Intelnet	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phần mềm Bestarion	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Công nghệ Gigarion	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Global Sitem	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần In No	Công ty cùng Tập đoàn
Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng

(1) Công ty con đã giải thể trong kỳ này.

(2) Công ty liên kết đã giải thể trong kỳ này.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.078.130.419	2.210.199.720
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	1.199.583.847	820.647.563
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	976.926.570	914.441.348
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	115.889.000	-
- Công ty TNHH Global Sitem	399.712.631	366.219.269
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	381.458.371	108.891.540
- Công ty Cổ phần Intelnet	4.560.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	210.507.866	1.240.535.501
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	16.382.366	224.535.501
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	66.000.000	60.000.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	120.000.000	860.000.000
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	3.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	5.125.500	96.000.000
Cổ tức được chia	3.462.745.000	15.210.475.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	2.510.259.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	8.200.216.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	-	4.500.000.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Phát triển Phần mềm Larion	2.712.745.000	-
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	750.000.000	-

26-C.T.1
VH
IHH
TOÁN
CHỈ MINH

Các giao dịch phát sinh trong kỳ (tiếp theo):

	Từ 01/04/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/04/2022 đến 30/09/2022
	VND	VND
Lãi đi vay	1.490.169.863	1.303.835.617
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	1.463.013.698	1.303.835.617
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	14.794.521	-
- Bà Trương Thị Phương Dung	12.361.644	-
Chi phí bán hàng	189.009.252	2.485.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	185.580.502	1.825.000
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	3.428.750	660.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(806.173.872)	(350.159.350)
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	(166.790.158)	(143.317.081)
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	(233.098.771)	(62.443.575)
- Công ty TNHH Global Sitem	(147.379.318)	(114.743.694)
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	84.710.000	(12.775.000)
- Công ty Cổ phần Intelnet	(324.370.625)	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	(19.245.000)	(16.880.000)
Thu nhập do thu tiền VSOP	-	475.768.945
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	457.717.825
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	-	18.051.120
Góp vốn	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Intelnet	3.000.000.000	3.000.000.000
Rút vốn	20.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	20.000.000.000	-
Mượn tiền	3.200.000.000	7.300.000.000
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	3.000.000.000	7.300.000.000
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	200.000.000	-
Trả lại tiền mượn	23.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	200.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	20.000.000.000	-



Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Từ 01/04/2023	Từ 01/04/2022	
	đến 30/09/2023	đến 30/09/2022	
	VND	VND	
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	2.741.425.143	3.683.566.216	
- Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên HĐQT	446.757.143	808.561.235
- Ông Nguyễn Vĩnh Thuận	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	572.100.000	565.700.656
- Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Giám đốc Tài chính	421.600.000	424.778.843
- Ông Phạm Đức Long	Giám đốc Phát triển kinh doanh	460.000.000	635.465.482
- Ông Lê Ngọc Thạch	Giám đốc Công nghệ thông	-	425.000.000
- Bà Đỗ Thị Thu Hà	Giám đốc Kiểm soát nội bộ, thành viên Ban kiểm soát	325.500.000	273.200.000
- Bà Trương Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	331.568.000	320.160.000
- Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Chủ tịch HĐQT	46.500.000	31.200.000
- Ông Đinh Hoài Châu	Thành viên HĐQT	36.600.000	-
- Ông Lưu Đức Khánh	(1)	-	35.100.000
- Ông Mạc Quang Huy	(1)	-	36.900.000
- Ông Nguyễn Đức Thắng	(1)	-	46.200.000
- Ông Nguyễn Hữu Dũng	(1)	31.500.000	31.200.000
- Ông Nguyễn Ngọc Trung	(2)	15.600.000	-
- Ông Trần Bằng Việt	(2)	18.600.000	-
- Ông Mai Hoài An	(2)	15.600.000	-
- Bà Trịnh Thị Thúy Liễu	Trưởng Ban kiểm soát	-	31.200.000
- Bà Mai Ngọc Phượng	(3)	19.500.000	18.900.000

(1) Thành viên HĐQT miễn nhiệm trong kỳ trước.

(2) Cố vấn HĐQT bổ nhiệm trong kỳ này.

(3) Thành viên Ban kiểm soát từ nhiệm trong kỳ này.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2022 đến ngày 30/09/2022.


Phạm Thị Bích Thảo
 Người lập


Trương Thị Phương Dung
 Kế toán trưởng


Nguyễn Vĩnh Thuận
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 11 năm 2023